

Số: 30/2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 4966/TTr-SYT ngày 25 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) của Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng cho Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý.



Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế

1. Số lượng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế là 115 chiếc.
2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế: Đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá tối đa thực hiện theo quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức để thực hiện trang bị xe ô tô chuyên dùng và quản lý, sử dụng theo đúng quy định; kịp thời báo cáo Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh chủng loại, số lượng, mức giá khi có thay đổi cho phù hợp với thực tế, quy định có liên quan.

2. Sở Y tế phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, giám sát việc mua sắm, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

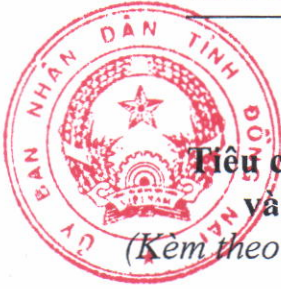
- Như Điều 5;
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (45 bộ).

ThaiTM

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{leang}
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý
(Kèm theo Quyết định số 30 /2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
I	SỞ Y TẾ			
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác thanh kiểm tra đối với hệ thống y tế trên địa bàn tỉnh, các cơ sở kinh doanh, sử dụng thuốc trên địa bàn tỉnh về lĩnh vực dược, mỹ phẩm, các hoạt động đăng ký sản xuất, lưu hành thuốc và vật tư y tế tiêu hao, các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân; thẩm định các cơ sở y tế trong và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định, các cơ sở đủ điều kiện hoạt động, kinh doanh, mua bán, sản xuất, trang thiết bị y tế...; công tác kiểm tra, giám sát phòng chống dịch; công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn...
II	CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC			
1	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm			
	Xe xét nghiệm lưu động	1	922.147.000	Thực hiện xét nghiệm nhanh sản phẩm, thực phẩm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các chợ, siêu thị... (Xe thiết kế có kết cấu bán tải, không có trang thiết bị phục vụ xét nghiệm kèm theo)

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
	Xe xét nghiệm lưu động	1	5.500.000.000	Phối hợp kiểm nghiệm của đoàn kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm của tỉnh và các đơn vị thuộc Sở Y tế, Sở NN&PTNT, Sở Công thương, Công an tỉnh, UBND các huyện, TP, trung dụng phục vụ các đoàn kiểm tra liên ngành trung ương (Xe ô tô chuyên dùng xét nghiệm, thiết kế có khoang xét nghiệm, hệ thống bàn xét nghiệm, tủ đựng hóa chất, hệ thống điện và tích hợp các trang thiết bị chuyên dùng xét nghiệm)
2	Bệnh viện đa khoa Đồng Nai			
	Xe ô tô cứu thương	8	1.750.000.000	1.000 giường bệnh
	Xe ô tô chuyên dùng có gắn thiết bị chụp X-Quang	1	8.149.204.361	Phục vụ công tác khám sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	859.047.000	Phục vụ chở đội ngũ bác sĩ và trang thiết bị y tế thực hiện công tác khám sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
	Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao	1	807.400.000	Phục vụ cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh (loại 05 chỗ ngồi)
	Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao	1	1.113.840.000	Phục vụ cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh (loại 16 chỗ ngồi)
3	Bệnh viện Nhi đồng			

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
	Xe ô tô cứu thương	6	1.750.000.000	740 giường bệnh
4	Bệnh viện ĐK Thống Nhất			
	Xe ô tô cứu thương	8	1.750.000.000	1.000 giường bệnh
	Xe chụp X-quang lưu động	1	2.000.000.000	Thực vụ công tác khám sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
	Xe ô tô 39 chỗ ngồi	1	1.772.785.050	Thực vụ chở đội ngũ bác sĩ và trang thiết bị y tế thực hiện công tác khám bệnh từ thiện và khám sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
5	Bệnh viện ĐKKV Long Thành			
	Xe ô tô cứu thương	5	1.750.000.000	510 giường bệnh
6	Bệnh viện ĐKKV Định Quán			
	Xe ô tô cứu thương	5	1.750.000.000	520 giường bệnh
	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt	1	5.000.000.000	Thực vụ vận chuyển bệnh nặng lên tuyến trên đảm bảo an toàn (có trang thiết bị theo dõi nhịp tim, khử rung tim, bộ đặt nội khí quản, máy truyền dịch, truyền thuốc vận mạch, vali cấp cứu, máy theo dõi bệnh nhân, máy giúp thở xách tay...)
7	Bệnh viện ĐKKV Long Khánh			
	Xe ô tô cứu thương	8	1.750.000.000	1.000 giường bệnh
8	Bệnh viện Phôi Đồng Nai			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	240 giường bệnh

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
	Xe chụp X-quang kỹ thuật số lưu động	1	2.550.000.000	Phục vụ công tác chụp X-quang phát hiện bệnh lao tại cộng đồng (tại giam Z30A, cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh, 6 huyện, TP trong tỉnh Đồng Nai: Long Thành, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Biên Hòa)
9	Bệnh viện Da liễu			
	Xe ô tô cứu thương	2	1.750.000.000	80 giường bệnh
10	Bệnh viện Y dược cổ truyền			
	Xe ô tô cứu thương	3	1.750.000.000	180 giường bệnh
11	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật			
	Xe vận chuyển người bệnh	1	1.750.000.000	Nhu cầu thực tế gắn với nhiệm vụ được giao, cụ thể: - Vận chuyển người nghi mắc các bệnh truyền nhiễm từ người sang người từ cộng đồng vào khu cách ly y tế, và từ các khu cách ly y tế với nhau. - Tập huấn thực hành sơ cấp cứu trên xe cứu thương cho các cơ quan, công ty, xí nghiệp.
	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	1.280.000.000	- Chở trang thiết bị và nhân viên y tế phục vụ công tác khám bệnh nghề nghiệp tại các cơ quan, công ty, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Giám sát, hướng dẫn công tác vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh tại các nhà máy, xí nghiệp, các khu công nghiệp
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	2	922.147.000	Xe phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
		1	299.000.000	Xe phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô tải 810kg)
	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc, (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực y tế	1	922.147.000	Xe phục vụ công tác lấy mẫu máu, bệnh phẩm (Xe ô tô bán tải)
		1	922.147.000	Xe phục vụ vận chuyển vắc xin, sinh phẩm (Xe ô tô bán tải)
	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm	1	922.147.000	Xe phục vụ công tác Sức khỏe Môi trường - Y tế trường học (Xe ô tô bán tải)
		1	922.147.000	Xe phục vụ công tác Kiểm dịch y tế quốc tế tại các cảng (Xe ô tô bán tải)
		1	922.147.000	Xe phục vụ công tác phòng chống ký sinh trùng – côn trùng (Xe ô tô bán tải)
12	Trung tâm Kiểm nghiệm			
	Xe ô tô vận chuyển mẫu thuốc, thực phẩm phục vụ công tác lấy mẫu	1	1.500.000.000	Phục vụ công tác lấy mẫu kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
13	Trung tâm Pháp y			
	Xe vận chuyển tử thi	1	850.000.000	Phục vụ vận chuyển tử thi tại hiện trường về trung tâm để khám nghiệm.
	Xe ô tô giám định pháp y	1	1.380.000.000	Phục vụ công tác giám định pháp y chờ tổ giám định, dụng cụ hỗ trợ.
14	Trung tâm Y tế TP Biên Hòa			
	Xe ô tô cứu thương	3	1.750.000.000	150 giường bệnh
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
15	Trung tâm y tế Huyện Long Thành			

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
16	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	200 giường bệnh (Trung tâm có chủ trương xây mới với quy mô 300 giường bệnh)
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
17	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	280 giường bệnh (Cơ sở I: 180 giường, Cơ sở II: 100 giường)
	Xe ô tô cứu thương	1	1.750.000.000	PKĐK KV Phú Lý 20 giường bệnh (đề án nâng cấp thành cơ sở III, 50 giường bệnh)
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
18	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	300 giường bệnh
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
19	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất			
	Xe ô tô cứu thương	3	1.750.000.000	155 giường bệnh
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
20	Trung tâm Y tế TP Long Khánh			
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
21	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc			

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	300 giường bệnh
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
22	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú			
	Xe ô tô cứu thương	3	1.750.000.000	190 giường bệnh
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
23	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	220 giường bệnh (Có chủ trương mở rộng cơ sở, tăng thêm 50 giường bệnh khoa Nhi).
	Xe ô tô cứu thương	1	1.750.000.000	PKĐK KV Sông Ray 20 giường bệnh (đề án nâng cấp thành cơ sở II, 50 giường bệnh)
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
24	Trung tâm Y tế huyện Định Quán			
	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch (Xe ô tô bán tải)
	Tổng cộng	115		